

**CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM
Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,
Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 30

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,

Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty")
hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho
kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Sỹ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên
Ông Đoàn Văn Dũng	Thành viên
Ông Trần Quốc Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Ngọc Hưng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thor	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và
hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.
Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai
lệch trong yếu tố nào được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ
tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo
tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ
đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài
chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng
như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách
nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát
hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM
Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,
Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÀN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Số: 10/BCSX/2018-RSM/MT

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

**Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Công trình Giao thông vận tải Quảng Nam, được lập ngày 27 tháng 07 năm 2018, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Công trình Giao thông vận tải Quảng Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Dương Nghĩa

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Chi nhánh Miền Trung

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,

Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mẫu số B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.930.131.607	53.210.845.289
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.063.260.163	8.423.785.264
1. Tiền	111		1.063.260.163	8.423.785.264
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	3.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.806.583.336	26.993.102.164
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	35.026.380.235	27.757.711.243
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	5.721.430.367	724.848.900
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	3.784.656.009	1.383.141.096
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.725.883.275)	(2.872.599.075)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	25.445.913.251	17.766.685.134
1. Hàng tồn kho	141		25.445.913.251	17.766.685.134
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		614.374.857	27.272.727
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	9.090.909	27.272.727
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		604.283.948	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	1.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.712.002.946	31.668.555.685
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.281.828.722	990.896.525
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.281.828.722	990.896.525
II. Tài sản cố định	220		16.179.405.302	20.979.574.233
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	15.927.480.509	20.727.159.532
Nguyên giá	222		76.004.231.843	75.696.231.843
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.076.751.334)	(54.969.072.311)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	251.924.793	252.414.701
Nguyên giá	228		258.293.600	258.293.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.368.807)	(5.878.899)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		503.400.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	503.400.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	3.000.000.000	3.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.747.368.922	6.698.084.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	7.747.368.922	6.698.084.927
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		100.642.134.553	84.879.400.974

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,

Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày	
			30/06/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		59.317.610.073	39.929.814.879
I. Nợ ngắn hạn	310		56.365.040.608	37.278.895.018
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	10.617.714.114	5.797.186.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	7.813.491.621	443.034.182
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	1.614.883.990	510.484.557
4. Phải trả người lao động	314	4.13	352.067.959	3.177.107.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	3.938.778.429	4.215.995.845
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	8.333.333	266.078.422
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	10.969.807.757	11.568.549.455
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	18.533.218.411	8.856.926.450
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.19	915.396.750	1.654.090.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.601.348.244	789.441.676
II. Nợ dài hạn	330		2.952.569.465	2.650.919.861
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.19	2.952.569.465	2.650.919.861
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.324.524.480	44.949.586.095
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	40.918.293.091	44.543.354.706
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.379.414.871	8.379.414.871
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.561.777.617	2.061.777.617
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.977.100.603	7.102.162.218
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.977.100.603	7.102.162.218
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		406.231.389	406.231.389
1. Nguồn kinh phí	431		124.245.000	124.245.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		281.986.389	281.986.389
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		100.642.134.553	84.879.400.974



Handwritten signature in blue ink.

Handwritten signature in blue ink.

Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
Quảng Nam, ngày 27 tháng 07 năm 2018

Đặng Thọ
Kê toán trưởng

Võ Thị Minh Loan
Người lập

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,

Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mẫu B 02a - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.22	51.312.639.107	71.373.294.496
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.23	-	220.139.092
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51.312.639.107	71.153.155.404
4. Giá vốn hàng bán	11	4.24	44.080.938.280	64.172.254.096
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.231.700.827	6.980.901.308
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.25	110.333.822	315.856.252
7. Chi phí tài chính	22	4.26	297.746.815	101.334.665
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		255.208.925	53.245.040
8. Chi phí bán hàng	25	4.27	-	240.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.28	3.935.218.443	3.188.556.657
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.109.069.391	3.766.866.238
11. Thu nhập khác	31	4.29	887.311.527	2.573.940.999
12. Chi phí khác	32	4.30	73.822.222	175.208.004
13. Lợi nhuận khác	40		813.489.305	2.398.732.995
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.922.558.696	6.165.599.233
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.31	798.633.743	1.374.971.347
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.123.924.953	4.790.627.886



Nguyễn Tuấn Anh

Võ Thị Minh Loan

Nguyễn Tuấn Anh**Tổng Giám đốc**

Quảng Nam, ngày 27 tháng 07 năm 2018

Đặng Thọ**Kê toán trưởng****Võ Thị Minh Loan****Người lập**

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,

Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.922.558.696	6.165.599.233
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.213.168.931	6.437.214.703
Các khoản dự phòng	03		(583.759.446)	(2.132.886.044)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(137.606.549)	(1.102.219.889)
Chi phí lãi vay	06		255.208.925	53.245.040
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08		8.669.570.557	9.420.953.043
Tăng, giảm thay đổi vốn lưu động	09		(16.222.719.762)	1.161.138.175
Tăng, giảm các khoản phải thu	10		(7.679.228.117)	5.102.347.389
Tăng, giảm hàng tồn kho	11		3.350.491.971	(3.139.578.189)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	12		(1.031.102.177)	(3.388.688.177)
Tăng giảm chi phí trả trước	14		(226.629.505)	(48.134.127)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(495.239.368)	(980.451.073)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(267.080.000)	(1.880.469.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.901.936.401)	6.247.118.041
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(932.225.455)	(5.672.252.370)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS DH khác	22		27.272.727	786.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(16.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		770.072.067	1.848.972.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.134.880.661)	(19.036.916.013)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.33	21.595.826.319	16.626.085.403
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.34	(11.919.534.358)	(6.264.868.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.676.291.961	10.361.216.553
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(7.360.525.101)	(2.428.581.419)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.423.785.264	6.455.911.404
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.063.260.163	4.027.329.985



Nguyễn Tuấn Anh

Đặng Thơ

Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
Quảng Nam, ngày 27 tháng 07 năm 2018

Đặng Thơ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Loan
Người lập

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Quản lý và Xây dựng Đường bộ Quảng Nam theo Quyết định số 5233/QĐ - UB ngày 27 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000390766 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 09 năm 2014. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông với mã chứng khoán QTC tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 532/QĐ-TTGDHN ngày 29/12/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội). Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/01/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 27.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch		Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Việt Nam	14.526.000.000	53,8	14.526.000.000	53,8	
Vốn góp của các cổ đồng khác		12.474.000.000	46,2	12.474.000.000	46,2	
Cộng		27.000.000.000	100	27.000.000.000	100	

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 99 (31/12/2017: 104).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, khai thác đá và kinh doanh bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, giao thông đường bộ, thủy lợi, thủy điện, các công trình công cộng;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Quản lý, khai thác và duy tu các công trình giao thông đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán các công trình xây dựng, công trình giao thông; Giám sát công trình đường bộ; Thi nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Xây dựng Đường bộ Số 1	3.000.000.000		-	3.000.000.000		-
Cộng	3.000.000.000		-	3.000.000.000		-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo, báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Sửa chữa và Xây dựng Đường Bộ Số 1 có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAMSố 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,
Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu từ khách hàng	34.866.380.235	27.317.559.616
Sở Giao thông Vận tải Quảng Nam	25.188.693.910	16.949.038.930
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Thành phố Tam Kỳ	5.138.447.000	5.138.447.000
Các khách hàng khác	4.539.239.325	5.230.073.686
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 4.36	160.000.000	440.151.627
Cộng	35.026.380.235	27.757.711.243

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV 532	13.205.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và XNK Vật tư Giao thông (Traitimex)	3.667.697.600	343.420.000
Công ty Cổ phần Nhất Hiệp Đức	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Bachchambard Đà Nẵng	1.141.629.430	-
Các đối tượng khác	698.898.337	81.428.900
Cộng	5.721.430.367	724.848.900

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu về vốn thi công các đối, hạt	3.189.941.244	657.172.714
Lãi dự thu	66.230.137	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Xem thêm mục 4.36	-	725.968.382
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	141.747.628	-
Tam ứng	386.737.000	-
Cộng	3.784.656.009	1.383.141.096

Dài hạn:
Kỳ quỹ, kỳ cược

	1.281.828.722	-	990.896.525	-
Cộng	1.281.828.722	-	990.896.525	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	3.450.454.575	724.571.300	4.153.341.778	1.280.742.703
Cộng	3.450.454.575	724.571.300	4.153.341.778	1.280.742.703

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Ban Quản lý Thủy điện 3	845.932.414	-	> 3 năm	845.932.414	-	> 3 năm
Công ty Lộc Hà - Công trình BTN Phú Ninh	156.736.597	-	> 3 năm	156.736.597	-	> 3 năm
Công ty Lộc Hà - Công trình BTN Nông Sơn	221.140.000	66.342.000	2 - 3 năm	221.140.000	66.342.000	2 - 3 năm
Công nợ khu đô thị số 7A đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc	939.694.244	-	> 3 năm	939.694.244	-	> 3 năm
Công nợ Công trình đường nội thị Tiên Phước	-	-		331.970.000	99.591.000	2 - 3 năm
Các khách hàng khác	1.286.951.320	658.229.300		1.657.868.523	1.114.809.703	
Cộng	3.450.454.575	724.571.300		4.153.341.778	1.280.742.703	

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	786.754.233	-	559.418.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.681.912.430	-	12.002.238.814	-
Thành phẩm	7.332.486.588	-	4.386.762.820	-
Hàng hóa bất động sản	520.515.000	-	694.020.000	-
Hàng hóa khác	124.245.000	-	124.245.000	-
Cộng	25.445.913.251	-	17.766.685.134	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND		Máy móc thiết bị VND		P.tiện vận tải truyền dẫn VND		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2018	4.593.313.947	63.737.416.054	7.365.501.842	75.696.231.843			
Mua trong kỳ	-	413.000.000	-	413.000.000			
Thanh lý, nhượng bán	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)			
Tại ngày 30/06/2018	4.593.313.947	64.045.416.054	7.365.501.842	76.004.231.843			
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2018	3.068.347.672	46.180.035.229	5.720.689.410	54.969.072.311			
Khấu hao trong kỳ	169.241.390	4.782.513.783	260.923.850	5.212.679.023			
Thanh lý, nhượng bán	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)			
Tại ngày 30/06/2018	3.237.589.062	50.857.549.012	5.981.613.260	60.076.751.334			
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2018	1.524.966.275	17.557.380.825	1.644.812.432	20.727.159.532			
Tại ngày 30/06/2018	1.355.724.885	13.187.867.042	1.383.888.582	15.927.480.509			

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 13.318.797.834 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 39.360.057.883 đồng.

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,
Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2018	258.293.600	258.293.600
Mua trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2018	258.293.600	258.293.600
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2018	5.878.899	5.878.899
Khấu hao trong kỳ	489.908	489.908
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2018	6.368.807	6.368.807
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	252.414.701	252.414.701
Tại ngày 30/06/2018	251.924.793	251.924.793

4.10. Chi phí trả trước

Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	9.090.909	27.272.727
Cộng	9.090.909	27.272.727
Dài hạn:		
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	7.478.441.324	6.627.212.200
Chi phí sửa chữa Công ty	233.491.234	-
Chi phí gia công nhà kho, nhà để xe	35.436.364	70.872.727
Cộng	7.747.368.922	6.698.084.927

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng trạm trộn bê tông xi măng	503.400.000	-
Cộng	503.400.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần QL & XD Đường bộ Quảng Nam	720.820.125	720.820.125	2.454.170.000	2.454.170.000
Công ty CP TM&DV Phạm Thanh Việt	-	-	854.555.300	854.555.300
Ủy ban Nhân dân Xã Điện Ngọc	889.694.244	889.694.244	889.694.244	889.694.244
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Trường Xuân	5.201.024.298	5.201.024.298	29.437.200	29.437.200
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Phạm Bảo Duyên	1.288.005.750	1.288.005.750	-	-
Các đối tượng khác	2.518.169.697	2.518.169.697	1.569.329.730	1.569.329.730
Cộng	10.617.714.114	10.617.714.114	5.797.186.474	5.797.186.474

13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2018 VND
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	5.320.244.684	5.491.894.249	171.649.565
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	478.633.743	798.633.743	495.239.368	175.239.368
Thuế thu nhập cá nhân	1.000.000	-	56.675.083	74.193.741	16.518.658
Thuế tài nguyên	-	170.272.748	1.086.218.189	1.054.440.907	138.495.466
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	706.725.879	779.037.978	72.312.099	-
Thuế và lệ phí khác	-	259.251.620	314.427.510	63.757.390	8.581.500
Cộng	1.000.000	1.614.883.990	8.355.237.187	7.251.837.754	510.484.557

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,
Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ban QLDA các công trình giao thông Quảng Nam	5.713.556.589	-
Các đối tượng khác	2.099.935.032	443.034.182
Cộng	7.813.491.621	443.034.182

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Lãi vay dự trả	50.822.940	22.243.520
Chi phí phải trả Dự án Khu đô thị Điện Nam, Điện Ngọc	135.438.538	135.438.538
Tiền thuê đất phải trả	3.542.735.133	3.815.577.423
Chi phí phải trả khác	209.781.818	242.736.364
Cộng	3.938.778.429	4.215.995.845

4.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Thu tiền bán đất theo tiến độ hợp đồng	-	266.078.422
Doanh thu chưa thực hiện khác	8.333.333	-
Cộng	8.333.333	266.078.422

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Kinh phí công đoàn	90.909.893	90.103.517
Phải trả khối lượng cho các đối Nhận Ký quỹ, Ký cược ngắn hạn	4.871.770.664	11.123.675.853
Cổ tức phải trả	320.000.000	320.000.000
Phải trả khác	5.670.000.000	-
	17.127.200	34.770.085
Cộng	10.969.807.757	11.568.549.455

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	18.533.218.411	18.533.218.411	21.595.826.319	11.919.534.358	8.856.926.450	8.856.926.450
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Quảng Nam	13.533.218.411	13.533.218.411	20.395.826.319	10.219.534.358	3.356.926.450	3.356.926.450
- Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Xây dựng Đường bộ Số 1 - Xem thêm mục 4.36	1.000.000.000	1.000.000.000	1.200.000.000	1.700.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Vay tồn ngân Kho bạc công trình Điện Biên Phủ	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	18.533.218.411	18.533.218.411	21.595.826.319	11.919.534.358	8.856.926.450	8.856.926.450

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
1. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Quảng Nam	6500H1/18023/NH NT ngày 31/05/2018	15.000.000.000 đồng	Tối đa 12 tháng	Lãi suất cụ thể theo từng giấy nhận nợ	Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy chuyên dùng,...
	6500H1/17023/NH NT ngày 12/06/2017	15.000.000.000 đồng	Tối đa 06 tháng	Lãi suất cụ thể theo từng giấy nhận nợ	Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy chuyên dùng,...
2. Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Xây dựng Đường bộ Số 1	HĐ vay vốn số 01/2018/HĐVV ngày 07/02/2018	1.200.000.000 đồng	180 ngày kể từ ngày 07/02/2018	0,58%/tháng	Vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không
	HĐ vay vốn số 02/2017/HĐVV ngày 11/12/2017	1.000.000.000 đồng	180 ngày kể từ ngày 11/12/2017	0,58%/tháng	Vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không
3. Ứng vốn Quỹ đầu tư Phát triển	01/2017/HĐUV- QĐT ngày 13/03/2017	4.000.000.000 đồng		1,8%/năm	Thực hiện công trình Điện Biên Phủ	Không

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,
Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19. Dự phòng phải trả

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình	915.396.750	1.654.090.000
Cộng	915.396.750	1.654.090.000
Dài hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình	2.101.418.022	1.986.181.472
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên mới trường	851.151.443	664.738.389
Cộng	2.952.569.465	2.650.919.861

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2017	27.000.000.000	8.379.414.871	1.561.777.617	8.567.699.579	301.787.590	45.810.679.657
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	4.790.627.886	-	4.790.627.886
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	500.000.000	(500.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.857.699.579)	-	(1.857.699.579)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(6.210.000.000)	-	(6.210.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	27.000.000.000	8.379.414.871	2.061.777.617	4.790.627.886	301.787.590	42.533.607.964
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	2.311.534.332	-	2.311.534.332
Kết chuyển thu nhập	-	-	-	-	(301.787.590)	(301.787.590)
Số dư tại ngày 01/01/2018	27.000.000.000	8.379.414.871	2.061.777.617	7.102.162.218	-	44.543.354.706
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	3.123.924.953	-	3.123.924.953
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	500.000.000	(500.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.078.986.568)	-	(1.078.986.568)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(5.670.000.000)	-	(5.670.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2018	27.000.000.000	8.379.414.871	2.561.777.617	2.977.100.603	-	40.918.293.091

Công ty phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 41/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018.

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	14.526.000.000	14.526.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.474.000.000	12.474.000.000
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000

4.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	27.000.000.000	27.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30/06	27.000.000.000	27.000.000.000

4.20.4. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang kỳ phát hành	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.20.5. Cổ tức

Nghi quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 41/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018 đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 21% vốn điều lệ (tương ứng 5.670.000.000 đồng). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 08/06/2018 và thực hiện chi trả từ ngày 15/08/2018.

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,

Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quý đầu tư phát triển VND	Quý đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2018		2.061.777.617
Trích trong kỳ		500.000.000
Chi trong kỳ		-
Tại ngày 30/06/2018		2.561.777.617

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

4.21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:	256.376.953	256.376.953
Vốn công trình cầu treo Sông Bui	122.466.653	122.466.653
Công nợ cho thuê xe máy Công ty Licogi	78.100.000	78.100.000
Công nợ mua đã của Công ty cầu 134 Hà Nam	55.810.300	55.810.300

4.22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	45.282.285.454	44.017.133.637
Doanh thu khai thác đã	5.386.515.140	18.401.241.032
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	330.773.262	8.910.109.826
Doanh thu khác	313.065.251	44.810.001
Cộng	51.312.639.107	71.373.294.496
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan		
- Xem thêm mục 4.36	145.454.546	2.669.533.636

4.23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị cắt giảm sau quyết toán	-	220.139.092
Cộng	-	220.139.092

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.24. Giá vốn hàng bán		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Giá vốn xây dựng		38.694.410.558	44.768.969.290
Giá vốn khai thác đã		4.942.311.462	14.607.346.600
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản		173.505.000	4.761.810.024
Giá vốn khác		270.711.260	34.128.182
Cộng		44.080.938.280	64.172.254.096
4.25. Doanh thu hoạt động tài chính		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		110.333.822	315.856.252
Cộng		110.333.822	315.856.252
4.26. Chi phí tài chính		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Chi phí lãi vay		255.208.925	53.245.040
Phí bảo lãnh ngân hàng		42.537.890	48.089.625
Cộng		297.746.815	101.334.665
4.27. Chi phí bán hàng		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Chi phí môi giới bất động sản		-	240.000.000
Cộng		-	240.000.000
4.28. Chi phí quản lý doanh nghiệp		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý		1.742.441.053	2.623.187.566
Trích dự phòng phải thu khó đòi		111.468.200	12.509.499
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi		(258.184.000)	(1.639.919.160)
Các chi phí quản lý khác		2.339.493.190	2.192.778.752
Cộng		3.935.218.443	3.188.556.657

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,
Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	27.272.727	786.363.637
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	780.038.800	1.689.457.557
Thu nhập khác	80.000.000	98.119.805
Cộng	887.311.527	2.573.940.999

4.30. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nộp phạt và truy thu thuế	-	4.591.475
Chi phí thi công Công trình Hòn Tàu	73.497.202	-
Các khoản khác	325.020	170.616.529
Cộng	73.822.222	175.208.004

4.31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.922.558.696	6.165.599.233
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	70.610.020	693.157.502
- Chi phí không hợp lệ, phạt thuế	70.610.020	693.157.502
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế tự hoạt động kinh doanh chính	3.993.168.716	6.858.756.735
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	798.633.743	1.374.971.347

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	798.633.743	1.371.751.347
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	3.220.000

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,

Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.853.164.779	33.576.059.763
Chi phí nhân công	9.995.365.359	15.422.184.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.213.168.931	6.437.214.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.269.530.045	6.726.905.138
Chi phí khác bằng tiền	2.682.048.864	3.664.810.357
Cộng	55.013.277.978	65.827.174.954

4.33. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	21.595.826.319	16.626.085.403
Cộng	21.595.826.319	16.626.085.403

4.34. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	11.919.534.358	6.264.868.850
Cộng	11.919.534.358	6.264.868.850

4.35. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động xây lắp
- Hoạt động khai thác đá
- Hoạt động chuyên nhượng bất động sản
- Hoạt động khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

	Hoạt động xây lắp		Hoạt động sản xuất đá		Hoạt động chuyển nhượng BĐS		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
thuần										
hàng bên ngoài	45.282.285.454	43.796.994.545	5.386.515.140	18.401.241.032	330.773.262	8.910.109.826	313.065.251	44.810.001	51.312.639.107	71.153.155.404
	45.282.285.454	43.796.994.545	5.386.515.140	18.401.241.032	330.773.262	8.910.109.826	313.065.251	44.810.001	51.312.639.107	71.153.155.404
hàng bán và cung cấp	38.694.410.558	44.768.969.290	4.942.311.462	14.607.346.600	173.505.000	4.761.810.024	270.711.260	34.128.182	44.080.938.280	64.172.254.096
	38.694.410.558	44.768.969.290	4.942.311.462	14.607.346.600	173.505.000	4.761.810.024	270.711.260	34.128.182	44.080.938.280	64.172.254.096
Hoạt động kinh doanh										
ủa bộ phận	6.587.874.896	(971.974.745)	444.203.678	3.793.894.432	157.268.262	3.908.299.802	42.353.991	10.681.819	7.231.700.827	6.740.901.308
Quản lý doanh nghiệp										
ân bổ									3.935.218.443	3.188.556.657
u tài chính không phân									110.333.822	315.856.252
i chính không phân bổ									297.746.815	101.334.665
khác									887.311.527	2.573.940.999
ác									73.822.222	175.208.004
thuận kế toán trước thuế									3.922.558.696	6.165.599.233
uế TNDN hiện hành									798.633.743	1.374.971.347
ên sau thuế TNDN									3.123.924.953	4.790.627.886

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin khác

	Hoạt động xây lắp		Hoạt động sản xuất đá		Hoạt động chuyển nhượng BĐS		Hoạt động khác		Chuyển giao dự án		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ổ định	12.305.388.869	15.448.259.791	3.874.016.433	5.531.314.442	-	-	-	-	-	-	16.179.405.302	20.979.574.233
Giá trị gia tăng	53.788.201.984	53.480.201.984	22.474.323.459	22.474.323.459	-	-	-	-	-	-	76.262.525.443	75.954.525.443
Chi phí hao mòn	(41.482.813.115)	(38.031.942.193)	(18.600.307.026)	(16.943.009.017)	-	-	-	-	-	-	(60.083.120.141)	(54.974.951.210)
Thu từ khách hàng	33.876.000.141	26.747.935.299	50.685.850	3.581.700	-	66.500.000	160.000.000	-	939.694.244	939.694.244	35.026.380.235	27.757.711.243
Thu cho người bán	5.721.430.367	724.848.900	-	-	-	-	-	-	-	-	5.721.430.367	724.848.900
Thu phải thu ngắn hạn	(2.725.883.275)	(2.872.599.075)	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.725.883.275)	(2.872.599.075)
Thu dài hạn khác	-	-	1.281.828.722	990.896.525	-	-	-	-	-	-	1.281.828.722	990.896.525
Thu không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	45.158.973.202	37.298.969.148
Tổng sản phẩm											100.642.134.553	84.879.400.974

	Hoạt động xây lắp		Hoạt động sản xuất đá		Hoạt động chuyển nhượng BĐS		Hoạt động khác		Chuyển giao dự án		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thu người bán ngắn hạn	10.617.714.114	5.797.186.474	-	-	-	-	-	-	-	-	10.617.714.114	5.797.186.474
Thu trả tiền trước	6.027.950.714	443.034.182	1.785.540.907	-	-	-	-	-	-	-	7.813.491.621	443.034.182
Thu chưa thực hiện	-	-	-	-	-	266.078.422	8.333.333	-	-	-	8.333.333	266.078.422
Thu phải trả ngắn hạn	915.396.750	1.654.090.000	-	-	-	-	-	-	-	-	915.396.750	1.654.090.000
Thu phải trả dài hạn	2.101.418.022	1.986.181.472	851.151.443	664.738.389	-	-	-	-	-	-	2.952.569.465	2.650.919.861
Thu không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	37.010.104.790	29.118.505.940
Tổng phải trả											59.317.610.073	39.929.814.879

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,

Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.36. Thông tin về các bên có liên quan**Danh sách các bên liên quan

Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Xây dựng Đường bộ Số 1
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ
Công ty con
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Tại ngày	Tại ngày
30/06/2018	01/01/2018
VND	VND

Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Xây dựng Đường bộ Số 1	160.000.000	440.151.627
+ Nợ phải thu - Xem thêm mục 4.3	1.000.000.000	1.500.000.000
+ Nợ vay ngắn hạn - Xem thêm mục 4.18	-	725.968.382
+ Lợi nhuận phải thu - Xem thêm mục 4.5	38.573.973	18.656.667

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với bên có liên quan như sau:

Kỳ này	Kỳ trước
VND	VND

Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Xây dựng Đường bộ Số 1

+ Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 4.22	145.454.546	2.669.533.636
+ Vay, mượn vốn hoạt động	1.200.000.000	-
+ Trả lại vốn vay, mượn	1.700.000.000	-
+ Lãi vay phát sinh	62.843.973	-
+ Lãi vay đã trả	42.926.667	-

Thu lao HDQT và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Kỳ này	Kỳ trước
VND	VND

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc 660.027.922 872.128.945

Thu lao HDQT 46.500.000 46.500.000

4.37. Thu nhập của Ban Kiểm soát

Kỳ này	Kỳ trước
VND	VND

Tiền lương và các chi phí hoạt động 42.000.000 42.000.000

4.38. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản nợ, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,

Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty chỉ có rủi ro về lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

Tại ngày	Tại ngày
30/06/2018	01/01/2018
VND	VND

Tài sản tài chính:
Tiền và các khoản tương đương tiền
Phải thu khách hàng và phải thu khác
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

1.063.260.163	8.423.785.264
36.838.497.063	27.259.149.789
3.000.000.000	-

Cộng

40.901.757.226	35.682.935.053
-----------------------	-----------------------

Công nợ tài chính:

Các khoản vay

Phải trả người bán và phải trả khác

Chi phí phải trả

18.533.218.411	8.856.926.450
21.496.611.978	17.275.632.412
3.938.778.429	4.215.995.845

Cộng

43.968.608.818	30.348.554.707
-----------------------	-----------------------

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Tại ngày	Tại ngày
30/06/2018	01/01/2018
VND	VND

Phải thu khách hàng và phải thu khác

36.838.497.063	27.259.149.789
----------------	----------------

Cộng

36.838.497.063	27.259.149.789
-----------------------	-----------------------

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

CITINH*H*NG

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG NAMSố 10 Nguyễn Du, Phường An Mỹ,
Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ		Nợ phải trả		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	
Dưới 01 năm	18.533.218.411	25.435.390.407			43.968.608.818
Tại ngày 30/06/2018	18.533.218.411	25.435.390.407			43.968.608.818
Dưới 01 năm	Vay và nợ		Nợ phải trả		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	
	8.856.926.450	21.491.628.257			30.348.554.707
Tại ngày 01/01/2018	8.856.926.450	21.491.628.257			30.348.554.707

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày		Tại ngày	
	30/06/2018	VND	01/01/2018	VND
Nợ tài chính				
Theo lãi cố định		5.000.000.000		5.500.000.000
Theo lãi suất thả nổi		13.533.218.411		3.356.926.450
Cộng		18.533.218.411		8.856.926.450

Để quản lý rủi ro về lãi suất, Công ty thực hiện đa dạng hóa các nguồn đi vay để giảm thiểu rủi ro khi lãi suất của nguồn đi vay nào đó có biến động.

4.39. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
Quảng Nam, ngày 27 tháng 07 năm 2018

Đặng Thơ
Kê toán trưởng

Võ Thị Minh Loan
Người lập